

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 336/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21/10/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thúy**

Bà **Tống Thị Thanh Nam**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Tuyết Nhung**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà **Nguyễn Mai Thanh** –
Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 292/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/10/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Thái Thị N** sinh ngày 27/08/1989; CCCD số 09318900xxxx do Cục Cảnh sát QLHC về TTTXH cấp ngày 23/07/2022; hộ chiếu số N1947196 do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 22/3/2018; hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở hiện tại: 45 D, Yecheon-E, Yecheon-G, Kyungsangbuk-Do; Korea; số điện thoại Hàn Quốc: 0082105567xxxx; địa chỉ liên hệ tại Việt Nam: Bà **Nguyễn Thị N1**, số 15 ngách 317/1/4 ngõ 317 đường T, quận N, thành phố Hà Nội; điện thoại: 097966xxxx (Bà Ngân hiện đang ở Hàn Quốc, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Trọng D** sinh ngày 20/12/1987; CMND số 11216xxxx do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 11/4/2009; hộ chiếu số N200xxxx do Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 17/12/2018; hộ khẩu thường trú: Xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện tại: 45 D, Yecheon-E, Yecheon-G, Kyungsangbuk-Do Korea. (Hiện đang ở Hàn Quốc, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn về việc nhận văn bản tố tụng: Bà **Nguyễn Thị N1**, địa chỉ: Số 15 ngách 317/1/4 ngõ 317 đường T, quận N, thành phố Hà Nội; điện thoại: 097966xxxx.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Thái Thị N và ông Nguyễn Trọng D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc ngày 12/4/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Vợ chồng sống hòa thuận đến cuối năm 2021 thì bất đồng quan điểm sống không thể hòa giải nên đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Ngày 14/12/2023, bà Thái Thị N có mặt tại Việt Nam nộp đơn ly hôn đơn phương và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Sau khi bà N trở lại Hàn Quốc, giữa bà N và ông D đã có đơn thuận tình ly hôn, thỏa thuận con chung Nguyễn Như Y sinh ngày 15/3/2019 (nữ) do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Tòa án công nhận bà N và ông D thuận tình ly hôn; ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu giải quyết tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Bà Thái Thị N và ông Nguyễn Trọng D đều đang sinh sống và làm việc ở Hàn Quốc, bà Thái Thị N về Việt Nam làm thủ tục ly hôn đơn phương tại Tòa án rồi lại sang Hàn Quốc sinh sống, làm việc nhưng cả hai đều là công dân Việt Nam, ông D có hộ khẩu thường trú tại huyện M, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm d Khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà N và ông D kết hôn có đăng ký ngày 12/4/2019 tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Các Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn không ngày tháng năm của bà Thái Thị N và ông Nguyễn Trọng D gửi bưu điện từ Hàn Quốc ngày 12/4/2024 và gửi từ Bưu cục T M ngày 17/6/2024 đều không có chứng thực chữ ký của cơ quan có thẩm quyền tại Hàn Quốc nên Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký trong đơn so với chữ ký trong giấy chứng nhận kết hôn. Tại Kết luận giám định số 105/KL-KTHS ngày 26/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội đã kết luận: 1) Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Trọng D trên các mẫu cần giám định với chữ ký trên giấy chứng nhận kết hôn có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không. 2) Chữ viết dòng họ tên Nguyễn Trọng D trên các mẫu cần giám định với chữ ký trên giấy chứng nhận kết hôn là chữ do cùng 1 người viết ra. Do đó, không có căn cứ để xác định ông Nguyễn Trọng D đã ký các đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nêu trên.

Tuy nhiên sau đó, bà Thái Thị N và ông Nguyễn Trọng D cùng ký vào Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 09/9/2024 có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc ngày 12/9/2024 nên xác định bà Thái Thị N và ông Nguyễn Trọng D thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 3 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP.

Thỏa thuận của bà Thái Thị N và ông Nguyễn Trọng D về việc không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung Nguyễn Như Y sinh ngày 15/3/2019 do bà Thái Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà Thái Thị N không yêu cầu ông Nguyễn Trọng D cấp dưỡng nuôi con là không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

[3] Bà Thái Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 207, Điều 266, Điểm d Khoản 1 Điều 469, Khoản 1 Điều 476, Điểm a Khoản 5 Điều 477, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, 57, 58, 82, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của bà Thái Thị N và ông Nguyễn Trọng D cụ thể như sau:

[1.1] Bà Thái Thị N và ông Nguyễn Trọng D thuận tình ly hôn.

[1.2] Bà Thái Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Như Y sinh ngày 15/3/2019.

[1.3] Bà Thái Thị N không yêu cầu ông Nguyễn Trọng D cấp dưỡng nuôi con.

[1.4] Bà Thái Thị N và ông Nguyễn Trọng D không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Trong thời gian con chung chưa thành niên, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của ông Nguyễn Trọng D cho đến khi bà Thái Thị N có yêu cầu.

Ông Nguyễn Trọng D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Bà Thái Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án

phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 22xxx ngày 19/12/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Bà Thái Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bà Thái Thị N, ông Nguyễn Trọng D hiện cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội
- Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội
- Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc (Giấy chứng nhận kết hôn số 431 ngày 12/4/2019)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu trữ

Phạm Thị Hoàng Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN
– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hoàng Phúc

